TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 06/2018/HC-PT
Ngày 24 - 9 - 2018
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức

Bà Lê Thị Tùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2018/TLPT-HC ngày 09 tháng 7 năm 2018 về "*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế* ".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐPT-HC ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đinh Tấn T; địa chỉ: 175 Q, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T1; địa chỉ: số nhà 06, Liên gia 31, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Người bị kiện: - Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: 90 Ngô Thì N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B và Chi cục thuế thành phố B: Ông Nguyễn Đức H, Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Theo văn bản ủy quyền số 35/UQ-CCT ngày 27/11/2017); địa chỉ: 90 Ngô Thì N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị H1 (vợ ông T); địa chỉ: 111 Q, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T1; địa chỉ: số nhà 06, Liên gia 31, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B; địa chỉ: 01 Lý Nam Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L, chuyên viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 01 Lý Nam Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Đinh Tấn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Đinh Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H1 - ông Đỗ Anh T1 trình bày:**

Vào ngày 18/10/2017 ông Đinh Tấn T nhận được Quyết định số 5827/QĐ-CCT ngày 18/10/2017 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đinh Tấn T, về việc không công nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 24/9/2017 và giữ nguyên toàn bộ Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 của Chi cục thuế thành phố B với số tiền 1.330.080.008 đồng. Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 59 Luật đất đai năm 2013 và điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để thu tiền sử dụng đất 40% tại thửa đất số 28, tờ bản đồ 33, diện tích 184,2 m^2, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị. Thời điểm sử dụng đất năm 1992 tại địa chỉ 175 Q, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là không đúng quy định tại Điều 99, 100, 101 Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hộ ông Đinh Tấn T và bà Phan Thị H1 đã ở ổn định và thực hiện đầy đủ các chính sách pháp luật của Nhà nước về thuế và sinh sống tại đây trước ngày 15/10/1993. Vì vậy, khi ông T và bà H1 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013 và không thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất. Như vậy, Quyết định số 5827/QĐ-CCT ngày 18/10/2017 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đinh Tấn T không công nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 24/9/2017 và giữ nguyên toàn bộ Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 của Chi cục thuế thành phố B là không đúng quy định pháp luật.

Để đảm bảo quyền lợi của ông T, bà H1, yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện tuyên hủy Quyết định số 5827/QĐ-CCT ngày 18/10/2017 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đinh Tấn T không công nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 24/9/2017 và tuyên hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 của Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Đức H trình bày:**

Ngày 15/9/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B gửi Phiếu chuyển Thông tin số 1721406/PCTTĐC đến Chi cục thuế thành phố B để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của ông Đinh Tấn T. Tại Phiếu chuyển thông tin đã xác định nguồn gốc đất là của Công ty D cấp năm 1992 và thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 8 Nghị định 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

Bảng xác định giá trị bất động sản và tính thuế của Chi cục thuế theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2015:

+ Tiền sử dụng đất phải nộp mức 40% là 1.330.080.008 đồng

+ Tiền lệ phí trước bạ mức 0,5%: 16.626.000 đồng

Thông báo tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 của Chi cục thuế thành phố B với số tiền sử dụng đất ông T phải nộp là 1.330.080.008 đồng.

Thông báo nộp lệ phí, trước bạ nhà, đất ngày 20/9/2017 của Chi cục thuế thành phố B với số tiền lệ phí trước bạ ông T phải nộp là 16.626.000 đồng.

Việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên của ông Đinh Tấn T, Chi cục thuế căn cứ trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 24/9/2017 và ngày 26/9/2017 Chi cục thuế thành phố B nhận được đơn khiếu nại đề ngày 24/9/2017 và ngày 25/9/2017 của ông Đinh Tấn T với nội dung: Khiếu nại Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 của Chi cục thuế thành phố B với số tiền 1.330.080.008 đồng đối với lô đất diện tích 184,2 m^2 tại địa chỉ 175 Q, phường A, thành phố B. Ngày 18/10/2017 Chi cục thuế đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5827/QĐ-CCT ngày 18/10/2017 không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông T.

Từ những nội dung trên, việc Chi cục thuế thành phố B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 đối với trường hợp của ông Đinh Tấn T là đúng quy định pháp luật.

*** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B - Ông Nguyễn Tấn L trình bày:**

Năm 2017 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B nhận được hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ 33, diện tích 184,2 m^2. Mục đích sử dụng là đất ở tại đô thị, địa chỉ: Số 175 Q, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk của hộ ông Đinh Tấn T.

Hồ sơ thể hiện nguồn gốc đất: Năm 1992 Công ty D chia cho ông T căn nhà ván tập thể để ở (không có quyết định chia nhà), từ năm 1992 ông T sử dụng ổn định cho đến nay.

Sau khi kiểm tra hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã lập Phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính với mức thu phải nộp tiền sử dụng

đất và đã được Chi cục thuế thành phố B ban hành Thông báo nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên cho hộ ông T theo quy định.

Căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là khoản 2 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và căn cứ để xác định nghĩa vụ tài chính là tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 29; Điều 117 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 98 Luật Đất đai 2013;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi khiện của ông Đinh Tấn T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 5827/QĐ-CCT ngày 18/10/2017 của Chi cục trưởng chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đinh Tấn T và bác yêu cầu hủy (có Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án) Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 của Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với ông Đinh Tấn T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2018, người khởi kiện là ông Đinh Tấn T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện để bảo vệ quyền lợi cho gia đình ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, đơn kháng cáo của ông Đinh Tấn T không có cơ sở để xem xét chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào năm 1992, Công ty D có chia cho ông Đinh Tấn T một căn nhà ván tập thể tại tổ dân phố 1 phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và nay là địa chỉ 175

Q, phường A, thành phố B. Gia đình ông T quản lý, sử dụng thửa đất ổn định từ đó cho đến nay và không có tranh chấp. Ngày 21/02/2017 ông Đinh Tấn T làm đơn đăng ký, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 33, diện tích 184,2 m^2 tại địa chỉ trên. Ngày 03/4/2017, Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B thông báo danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có tên người sử dụng đất ông Đinh Tấn T.

Sau khi kiểm tra hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính với mức thu phải nộp tiền sử dụng đất và đã được Chi cục thuế thành phố B ban hành Thông báo nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên cho hộ ông T theo quy định.

Ngày 20/9/2017, Chi cục thuế thành phố B có Thông báo số 10408/TB-CCT xác định số tiền sử dụng đất ông T phải nộp là 1.330.080.008 đồng bằng 40% giá trị quyền sử dụng đất. Ông T cho rằng thửa đất mình đang sử dụng thuộc trường hợp không phải nộp tiền sử dụng đất nên đã làm đơn khiếu nại.

Ngày 18/10/2017 Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B ban hành Quyết định số 5827/QĐ-CCT về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông Đinh Tấn T, không công nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 24/9/2017 và giữ nguyên toàn bộ Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 của Chi cục thuế thành phố B. Vì vậy, ông T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 5827/QĐ-CCT ngày 18/10/2017 của Chi cục trưởng chi cục thuế thành phố B và hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 của Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Xét nguồn gốc thửa đất mà ông Đinh Tấn T đang sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do Công ty D chia cho ông T vào năm 1992.

Tại khoản 1, 2, 3 mục I, Nghị định 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước quy định:

1. Toàn bộ ruộng đất trong cả nước đều do Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch và kế hoạch chung nhằm bảo đảm ruộng đất được sử dụng hợp lý, tiết kiệm và phát triển theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2. Quản lý Nhà nước đối với ruộng đất bao gồm các nội dung sau đây:

……..

- Giao đất, thu hồi đất, trưng dụng đất.

……..

3. Hội đồng Chính phủ thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với toàn bộ ruộng đất trong cả nước.

Ủy ban nhân dân các cấp được Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với toàn bộ ruộng đất trong địa phương (kể cả các loại đất đã giao cho các cơ quan Trung ương) theo các chế độ, thể lệ thống nhất của Nhà nước và sự hướng dẫn của cấp trên.

Căn cứ quy định trên, việc Công ty D chia đất cho ông T sử dụng là không đúng thẩm quyền.

Tại điểm c khoản 1 Điều 8, Nghị định 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: Thu tiền sử dụng đất (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004:

"Trường hợp sử dụng đất mà có nhà ở ổn định trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để sử dụng đất, khi được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:

Trường hợp đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì thu tiền sử dụng đất bằng 40% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất tại địa phương theo giá đất quy định tại bảng giá đất tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;..."

Tại Điều 8 Thông tư số 76/2014/TB-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính có quy định: *Xác định tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP; một số nội dung tại Điều này được hướng dẫn như sau:*

Giấy tờ chứng minh đã nộp tiền cho cơ quan, tổ chức để được sử dụng đất khi xác định tiền sử dụng đất quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 8 Nghị định 45/2014/NĐ-CP bao gồm:

1. Biên lai, phiếu thu, hóa đơn thu tiền để được sử dụng đất, thu tiền đền bù theo Quyết định 186/HĐBT ngày 31/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng khi chuyển sang sử dụng vào mục đích khác.

2. Biên lai, phiếu thu, hóa đơn thu tiền theo Thông tư số 60/TC-TCT ngày 16/7/1993 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý thu đối với việc bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, việc cấp quyền sử dụng đất xây dựng nhà ở và công trình.

3. Biên lai, phiếu thu, hóa đơn hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất của Ủy ban nhân dân các cấp hoặc của cơ quan, tổ chức giao đất không đúng thẩm quyền".

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đinh Tấn T do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cung cấp thể hiện ông T không có các loại giấy tờ như đã quy định ở trên.

[3] Như vậy, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 33, diện tích 184,2m^2 tại phường A, thành phố B mà ông Đinh Tấn T đang sử dụng thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất bằng 40% giá trị đất do UBND tỉnh Đắk Lắk quy định. Chi cục thuế thành phố B ra Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 và Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B ban hành Quyết định số 5827/QĐ-CCT ngày 18/10/2017 về việc không chấp nhận đơn khiếu nại lần đầu của ông Đinh Tấn T là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp

nhận kháng cáo của ông Đinh Tấn T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa có nhận định như Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5827/QĐ-CCT ngày 18/10/2017 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông Đinh Tấn T và hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 của Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, người bị kiện là Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B và Chi cục thuế thành phố B nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định người bị kiện là Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B là không chính xác. Tuy nhiên, việc thiếu sót này không làm thay đổi bản chất của vụ án và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Đinh Tấn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thượng vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đinh Tấn T.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HCST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tuyên xử:

[1] Bác đơn khởi kiện của ông Đinh Tấn T:

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 5827/QĐ-CCT ngày 18/10/2017 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông Đinh Tấn T;

- Về yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10408/TB-CCT ngày 20/9/2017 của Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với ông Đinh Tấn T.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đinh Tấn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Đinh Tấn T đã nộp theo biên lai thu số 0003946 ngày 30/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Như vậy, ông T đã nộp xong.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND Tp. Buôn Ma Thuột;*
- *VKSND Tp. Buôn Ma Thuột*
- *Chi cục THADS Tp. B;*
- *Cục thuế tỉnh Đ;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Y Phi Kbuôr